

BẢNG SỐ 7**BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI THỊ TRẤN ĐẠI NGHĨA THUỘC HUYỆN MỸ ĐỨC***(Kèm theo Quyết định số:63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)*Đơn vị tính: đồng/m²

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất sản xuất kinh doanh phi Nông nghiệp			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	Phố Đại Đồng								
	Đoạn từ đầu cầu Tế Tiêu đến bến xe buýt (Từ km0+800 đến Km1+500)	3 200 000	2 448 000	2 080 000	1 920 000	2 240 000	1 714 000	1 456 000	1 344 000
	Đoạn từ bến xe buýt đến hết thị trấn Đại Nghĩa	2 400 000	1 860 000	1 560 000	1 464 000	1 680 000	1 302 000	1 092 000	1 025 000
2	Đường Đại Nghĩa								
	Đoạn từ ngã năm thị trấn đến Trạm bơm 1 Phù Lưu Tế (Từ Km0+00 đến Km0+800)	1 800 000	1 404 000	1 224 000	1 134 000	1 260 000	983 000	857 000	794 000
	Đoạn từ ngã năm thị trấn đến đường vào bệnh viện huyện (Từ Km0+00 đến Km1+500)	2 800 000	2 156 000	1 736 000	1 500 000	1 960 000	1 509 000	1 215 000	1 050 000
3	Phố Tế Tiêu	1 800 000	1 404 000	1 224 000	1 134 000	1 260 000	983 000	857 000	794 000
4	Phố Văn Giang	1 800 000	1 404 000	1 224 000	1 134 000	1 260 000	983 000	857 000	794 000
5	Phố Thọ Sơn	1 800 000	1 404 000	1 224 000	1 134 000	1 260 000	983 000	857 000	794 000

6	Đường Đại Nghĩa - An Phú: đoạn từ ngã năm thị trấn đại nghĩa đến hết địa phận thị trấn Đại Nghĩa	2 400 000	1 860 000	1 560 000	1 464 000	1 680 000	1 302 000	1 092 000	1 025 000
7	Đường trục phát triển (từ đường Đại Nghĩa đi xã An Tiến)	2 400 000	1 860 000	1 560 000	1 464 000	1 680 000	1 302 000	1 092 000	1 025 000
8	Đường Đại Nghĩa-An Tiến đoạn đi qua thị trấn Đại Nghĩa	1 348 000	1 128 000	990 000	935 000	944 000	790 000	693 000	655 000